

**SỞ Y TẾ KIÊN GIANG  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 621/KSBT-PCBTN

Kiên Giang, ngày 12 tháng 5 năm 2025

V/v phân bổ vắc xin và vật tư y tế trong  
tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại  
các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học  
tháng 5/2025

**TRUNG TÂM Y TẾ KIÊN GIANG THÀNH**

Số: 884

Ngày: 12/5/2025

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 745/VSDTTU-TCQG ngày 24/5/2024 của Viện Vệ

sinh dịch tễ Trung ương về công tác phòng chống bệnh Sởi tại tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Kế hoạch số 2633/KH-SYT-SGDDT ngày 10/8/2023 của Sở Y tế và  
Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phối hợp thực hiện kiểm tra tiền sử và tiêm chủng  
bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh  
Kiên Giang, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2087/UBND-KGVX  
ngày 23/8/2023.

Căn cứ Công văn số 671/SYT-NVY ngày 17/3/2025 của Sở Y tế về việc triển  
khai rà soát tiền sử và tiêm chủng bù liều vắc xin cho trẻ nhập học tại các cơ sở  
giáo dục mầm non, tiểu học năm học 2024-2025.

Căn cứ vào tình hình tiêm chủng và dự trữ vắc xin sử dụng cho tháng 5 năm  
2025 của các đơn vị, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phân bổ vắc xin và vật tư y tế  
trong tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu  
học, cụ thể như sau:

- Vắc xin OPV do Trung tâm nghiên cứu, sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế  
(POLYVAC) sản xuất (số lô bP-1223, HSD 06/11/2025; số lô bP-0124, HSD  
21/04/2026);

- Vắc xin IPV do Công ty Công ty Sanofi Pasteur Limited sản xuất (số lô  
X1B01, HSD 31/5/2026; số lô X1C74, HSD 31/10/2026);

- Vắc xin Sởi do Trung tâm nghiên cứu, sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế  
(POLYVAC) sản xuất (số lô M-1224, HSD 01/10/2026; số lô M-1324, HSD  
08/10/2026); dung môi (số lô WFI-2024, HSD 03/10/2026; số lô WFI-2124, HSD  
10/10/2026);

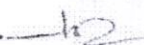
- Vắc xin Sởi-Rubella do Trung tâm nghiên cứu, sản xuất vắc xin và sinh  
phẩm y tế (POLYVAC) sản xuất (số lô MR-0824, HSD 15/10/2026; số lô MR-  
1024, HSD 29/10/2026); dung môi (số lô WFI-2224, HSD 17/10/2026; số lô WFI-  
2424, HSD 31/10/2026);



- Vắc xin Viêm não Nhật Bản do Công ty vắc xin và sinh phẩm số 1 sản xuất (số lô JM-031024E, HSD 30/9/2026; số lô JM-041024E, HSD 30/09//2026);

(Chi tiết xem phụ lục 1,2 đính kèm)

Đề nghị các đơn vị chuẩn bị thiết bị đầy đủ chuyên lạnh, giấy giới thiệu đến liên hệ trước Phòng Tài chính - Kế toán (Hà Thị Kim Hương, SĐT: 0919.923.967) và Khoa Dược – Vật tư y tế (Lê Kiều Diễm, SĐT: 0854.727.855) của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật để làm thủ tục tiếp nhận theo phân bổ.

Trân trọng cảm ơn./...

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGĐ TTKSBT;
- Phòng TC-KT;
- Khoa Dược-VTYT;
- Lưu VT, TCMR.

1/ **GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



  
**Võ Thị Lợi**



**Phụ lục 1**  
**BẢNG PHÂN BỐ VẮC XIN, VTYT TCTH THÁNG 5/2025 (Năm học 2023-2024)**  
 (Đính kèm Công văn số 121/ESBT-PCBTN ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm KSBT tỉnh)

| STT         | Đơn vị              | OPV        | IPV        | Sởi        | Sởi - Rubella | VNNB (1ml) | BKT 1ml (Nguồn Covid-19) | BKT 5ml (Nguồn Covid-19) | HAT      | Ghi chú        |
|-------------|---------------------|------------|------------|------------|---------------|------------|--------------------------|--------------------------|----------|----------------|
| 1           | Thành phố Rạch Giá  | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 2           | Huyện Tân Hiệp      | 0          | 0          | 0          | 0             | 25         | 0                        | 0                        | 0        | Không nhận BKT |
| 3           | Huyện Châu Thành    | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 4           | Huyện Giồng Riềng   | 100        | 20         | 0          | 30            | 85         | 149                      | 3                        | 2        |                |
| 5           | Huyện Gò Quao       | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 6           | Huyện Hòn Đất       | 0          | 300        | 140        | 150           | 300        | 979                      | 32                       | 0        | Nhận BKT       |
| 7           | Huyện Kiên Lương    | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 8           | Huyện Giang Thành   | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 9           | Thành phố Hà Tiên   | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 10          | Huyện An Minh       | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 11          | Huyện An Biên       | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 12          | Huyện U Minh Thượng | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 13          | Huyện Vĩnh Thuận    | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| 14          | Huyện Kiên Hải      | 100        | 60         | 20         | 40            | 65         | 204                      | 7                        | 0        | Nhận BKT       |
| 15          | Thành phố Phú Quốc  | 0          | 0          | 0          | 0             | 0          | 0                        | 0                        | 0        |                |
| <b>Tổng</b> |                     | <b>200</b> | <b>380</b> | <b>160</b> | <b>220</b>    | <b>475</b> | <b>1.332</b>             | <b>42</b>                | <b>2</b> |                |

Ghi chú: Số lượng dung môi vắc xin Sởi, vắc xin Sởi-Rubella cấp cùng số lượng vắc xin tương ứng.



Phụ lục 2

BẢNG PHÂN BỐ VẮC XIN, VTYT TCTH THÁNG 5/2025 (Năm học 2024-2025)

(Đính kèm Công văn số 122 /KSBT-PCBTN ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm KSBT tỉnh)

| STT         | Đơn vị              | OPV          | IPV          | Sởi          | Sởi - Rubella | VNNB (1ml)   | BKT 1ml (Nguồn Covid-19) | BKT 5ml (Nguồn Covid-19) | HAT        | Ghi chú  |
|-------------|---------------------|--------------|--------------|--------------|---------------|--------------|--------------------------|--------------------------|------------|----------|
| 1           | Thành phố Rạch Giá  | 200          | 220          | 140          | 90            | 350          | 880                      | 25                       | 10         |          |
| 2           | Huyện Tân Hiệp      | 140          | 250          | 180          | 220           | 390          | 1.144                    | 44                       | 12         |          |
| 3           | Huyện Châu Thành    | 1.180        | 920          | 600          | 910           | 1.315        | 4.120                    | 166                      | 43         |          |
| 4           | Huyện Giồng Riềng   | 420          | 360          | 290          | 340           | 500          | 1.639                    | 69                       | 18         |          |
| 5           | Huyện Gò Quao       | 460          | 470          | 350          | 370           | 440          | 1.793                    | 79                       | 19         |          |
| 6           | Huyện Hòn Đất       | 600          | 700          | 500          | 500           | 1000         | 2.970                    | 110                      | 0          | Nhận BKT |
| 7           | Huyện Kiên Lương    | 380          | 140          | 140          | 210           | 440          | 1.023                    | 39                       | 11         |          |
| 8           | Huyện Giang Thành   | 220          | 150          | 90           | 100           | 370          | 814                      | 21                       | 0          | Nhận BKT |
| 9           | Thành phố Hà Tiên   | 300          | 200          | 200          | 200           | 200          | 880                      | 44                       | 10         |          |
| 10          | Huyện An Minh       | 930          | 880          | 510          | 340           | 1630         | 3.696                    | 94                       | 38         |          |
| 11          | Huyện An Biên       | 920          | 700          | 460          | 400           | 1505         | 3.372                    | 95                       | 35         |          |
| 12          | Huyện U Minh Thượng | 700          | 600          | 400          | 400           | 800          | 2.420                    | 88                       | 26         |          |
| 13          | Huyện Vĩnh Thuận    | 220          | 420          | 220          | 200           | 510          | 1.485                    | 46                       | 16         |          |
| 14          | Huyện Kiên Hải      | 160          | 130          | 70           | 80            | 95           | 413                      | 17                       | 0          | Nhận BKT |
| 15          | Thành phố Phú Quốc  | 0            | 0            | 0            | 0             | 0            | 0                        | 0                        | 0          |          |
| <b>Tổng</b> |                     | <b>6.830</b> | <b>6.170</b> | <b>4.150</b> | <b>4.360</b>  | <b>9.545</b> | <b>26.649</b>            | <b>937</b>               | <b>238</b> |          |

Ghi chú: Số lượng dung môi vắc xin Sởi, vắc xin Sởi-Rubella cấp cùng số lượng vắc xin tương ứng.

*(Chữ ký)*



**PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN**

Số: 621/ KSBT - PCBTM ngày, 12 tháng 5 năm 2025

**1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức**

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì; K KSBT
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng năm cho ý kiến phân phối, giải quyết

**2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng**

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng năm cho ý kiến

**3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.**

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, tháng năm đề xuất ý kiến